TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2022/DS-PT
Ngày: 21 – 12 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng ủy quyền.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2022/TLPT-DS, ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc *'tranh chấp hợp đồng ủy quyền'*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 118/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Hồng H, sinh năm 1950. Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Trương Thị Hồng H: Ông Đặng Văn Nam, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Đặng Văn Nam, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Bà Cao Thị Túy Giang, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 74C, đường Cách Mạng, Khóm 7, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bà Trương Thị Hồng H, sinh năm 1950. Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trương Thị Hồng H trình bày: Ngày 25/4/2011, giữa bà và bà Nguyễn Thị T có lập hợp đồng thỏa thuận, nội dung là bà nhận ủy quyền của bài T trong vụ kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với ông L, bà V, nếu thắng kiện, bài T sẽ trả thù lao cho bà là 116m^2 đất (ngang 2,5m, dài hết hậu). Năm 2021, vụ kiện đã kết thúc, bài T thắng kiện và đã thi hành án xong, nhưng bài T vẫn chưa thực hiện thỏa thuận là giao cho bà 116m^2 đất như trong hợp đồng thỏa thuận. Ngày 15/7/2021, bà có nhận của bài T 162.500.000 đồng, bà nhận số tiền này là để bù đắp chi phí bà đã bỏ ra lo cho vụ kiện. Nay, bà yêu cầu bài T giao cho bà 99,3m^2 đất (ngang 2,5m dài hết hậu) theo hiện trạng khu đất tranh chấp giữa bà và bài T được Tòa án tiến hành thẩm định ngày 24/3/2022 và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V cung cấp bản vẽ ngày 08/4/2022 theo thỏa thuận đã lập ngày 25/4/2011.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T ủy quyền cho bà Cao Thị Túy G trình bày: Khoảng năm 2009, bài T có tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Quách Thị Vân, ông Trần Văn Lừng, do bài T không rành về giấy tờ và đi đến các cơ quan nhà nước, nên bài T có ủy quyền cho bài H để đi thay. Hợp đồng ủy quyền không có thể hiện thù lao ủy quyền. Nhưng giữa bài T và bài H có thỏa thuận miệng là khi nào thắng kiện, bài T sẽ trả chi phí thù lao ủy quyền cho bài H là 01m ngang đất (nằm trong số đất thắng kiện của bà V, ông L), chạy dài hết đất và bài H xin thêm 16m^2. Thời điểm thỏa thuận, đất của bài T đang tranh chấp có chiều dài là 50m, tổng cộng số đất mà bài T sẽ trả thù lao cho bài H là 66m^2. Tuy nhiên, sau đó bài H kêu bài T lên Bình Dương nơi bài H đang ở và kêu bài T ký tên vào Hợp đồng thỏa thuận ngày 25/4/2011, vì tình nghĩa chị em và nghĩ bài H không lừa dối bài T nên bài T ký tên vào mà không đọc lại nội dung xem hợp đồng thỏa thuận đó đã ghi những gì. Thời điểm ký hợp đồng thỏa thuận chỉ có bài T và bài H, ngoài ra không có người làm chứng nào khác.

Vụ kiện từ năm 2009 đến năm 2021 mới kết thúc và thi hành án xong. Trong lúc bài H nhận ủy quyền của bài T, bài H có hứa sau khi thắng kiện sẽ trả cho bà Võ Thị N giá trị của 01m ngang đất đang tranh chấp. Nên khi được thi hành án, bài T đã đứng ra trả thay cho bài H 01m ngang đất cho bà N với số tiền 40.000.000 đồng. Số tiền này, xem như bài T cho thêm bài H. Ngày 15/7/2021, bài H đã nhận giá trị của 01m đất ngang chạy dài hết hậu và 16m^2 với số tiền là 162.500.000 đồng, bài H có làm biên nhận và có ông Đặng Đồng T là Trưởng ấp làm chứng. Trong tờ biên nhận này, phần ghi nhận số tiền 162.500.000 đồng là do bài H tự ghi, phần ghi nội dung nhận phía dưới là do Trưởng ấp ghi. Bài T xác định bà đã trả chi phí thù lao ủy quyền cho bài H là 01m đất ngang, chạy dài hết hậu và 16m^2 tính trị giá thành tiền là 162.500.000 đồng và cho thêm 01m đất ngang trả giá trị 40.000.000 đồng cho bà N dùm cho bài H xong, nên bà không còn nợ gì bài H. Vì vậy, bà không đồng ý theo yêu cầu của bài H là trả thù lao ủy quyền bằng hiện vật 116m^2. Đồng thời, yêu cầu tuyên bố Giấy thỏa thuận ngày 25/4/2011 giữa bài T và bài H vô hiệu, do thỏa thuận hứa giao đất không thuộc quyền sử dụng của mình là trái pháp luật, bài T bị lừa dối khi ký vào thỏa

thuận ngày 25/4/2011; số tiền 162.500.000 đồng, bài T tự nguyện trả thù lao cho bài H, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hồng H đòi bà Nguyễn Thị T trả chi phí thù lao 99,3m^2 đất thuộc một phần Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CC 559270, thửa 130, tờ bản đồ số 40, do UBND huyện V cấp ngày 14/12/2021 cho bà Nguyễn Thị T.

Diện tích đất có vị trí, tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp Quốc lộ 1A, có chiều dài 2,5m.

Hướng Tây giáp thửa 30, có chiều dài 2,5m.

Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa 129, có chiếu dài 30,88m + 9,02m.

Hướng Nam giáp thửa 28, 30, có chiều dài 26,43m + 4,20m + 9,02m.

(Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/3/2022, Hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 08/4/2022).

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thỏa thuận ngày 25/4/2011 giữa bà Trương Thị Hồng H và bà Nguyễn Thị T vô hiệu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, nguyên đơn bà Trương Thị Hồng H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc bà Nguyễn Thị T trả chi phí thù lao cho bà diện tích 99,3 m^2. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trương Thị Hồng H giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trương Thị Hồng H trình bày: Giữa bài T với bài H có lập hợp đồng thỏa thuận khi thắng kiện bài T sẽ đền ơn cho bài H phần đất diện tích 116m^2, tức là ngang 2,5m dài hết hậu đất. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bài H là không đúng, ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự; vì trong đơn phản tố của bài T có nội dung số tiền 162.500.000 đồng là tiền thù lao của bài H, còn về việc đền ơn thì chưa có, bài T chưa đền ơn cho bài H. Đây là hợp đồng tặng cho có điều kiện. Đối với lời khai của ông Đặng Đồng T là Trưởng ấp là không có khách quan. Án sơ thẩm căn cứ vào nội dung ghi chú phía dưới tờ Hợp thồng thỏa thuận ngày 25/4/2011 là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Hồng H; sửa bản án sơ thẩm, buộc bài T trả cho bài H bằng hiện vật diện tích đất 99,3m^2 theo hợp đồng thỏa thuận trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Hồng H, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm dân sự số: 75/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị Hồng H nộp trong hạn luật định, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Trương Thị Hồng H, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 25/04/2011, giữa bà Nguyễn Thị T và bà Trương Thị Hồng H có ký kết Hợp đồng thỏa thuận, hợp đồng có người làm chứng gồm Lê Phương T, Trương Bích N, Trương Thị A, Võ Thị N ký tên phía dưới. Cả bài T và bài H đều xác định có ký kết hợp đồng thỏa thuận này, theo nội dung thỏa thuận như sau: *"Giữa bà Nguyễn Thị T và bà Quách Thị V có tranh chấp đất, do gia đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên đau bệnh, nên ủy quyền lại cho chị tôi bà Trương Thị Hồng H, sinh năm 1950, ngụ cùng ấp thay tôi tham gia vụ kiện tranh chấp đối với bà Quách Thị V trong các phiên tòa và các cơ quan, nếu thắng kiện nói trên, bài T đền ơn bài H 116m^2 đất, chiều ngang 2,5m x chiều dài hết hậu. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự"*. Phần đất thỏa thuận trên theo đo đạc thực tế ngày 24/3/2022 chiều ngang 2,5m, dài hết hậu đất có diện tích 99,3m^2, bài H cũng đồng ý chỉ yêu cầu bài T trả thù lao 99,3m^2 đất.

[3] Bài H thừa nhận bà có nhận của bài T 162.500.000 đồng theo giấy nhận tiền ngày 15/7/2021, tuy nhiên bài H xác định số tiền này là tiền bài T trả chi phí cho bà đi lại khi tham gia vụ kiện tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T với bà Quách Thị V do bài T ủy quyền cho bài H đại diện. Còn phía bài T thì xác định số tiền trên là trọn gói cho hợp đồng thỏa thuận ngày 25/4/2011 và bà đã trả cho bài H xong.

Xét thấy, sau khi vụ kiện giữa bài T với bà V kết thúc và thi hành án xong, bài H có yêu cầu bài T thanh toán trả cho bài H theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Tại phía dưới giấy nhận tiền ngày 15/7/2021 ông Đặng Đồng T là Trưởng ấp có ghi chú: "*Ngày 15/7/2021 bà Nguyễn Thị T có trả số tiền cho bà Trương Thị Hồng H là 162.500.000 đồng để trừ vào hợp đồng thỏa thuận vào ngày 25/4/2011"*. Tại Văn bản trình bày ý kiến của ông Đặng Đồng T có chứng thực của Văn phòng công chứng Huỳnh Văn C ngày 13/5/2022, có nội dung như sau: *"Ngày 15/7/2021 bài H trực tiếp nhờ tôi cùng đến nhà bài T chứng kiến bài T giao nhận tiền cho bài H theo thỏa thuận giữa hai bà trước đó, lúc đến nhà bài T tại ấp T còn có bà Lê Thị Ly, bài H và bài T thống nhất là bài T trả tiền*

cho bài H theo "Hợp đồng thỏa thuận" ngày 25/4/2011, bài T và bài H thống nhất là bài T giao cho bài H số tiền 162.500.000 đồng, nhưng bài H phải giao bản gốc Hợp đồng thỏa thuận ngày 25/4/2011 thì bài T mới giao tiền... Sau khi bài H viết giấy biên nhận như trên xong, bài H đưa tôi ký tên người làm chứng chứng kiến sự việc trên và tôi ghi rõ "Ghi chú"... tôi trực tiếp chứng kiến bài T giao bài H 162.500.000 đồng để chấm dứt thỏa thuận ngày 25/4/2011 giữa bài T và bài H. Việc tôi đi đến nhà bài T chứng kiến là do bài H mời tôi đi với tư cách là Trưởng ấp tại địa phương". Ngoài ra, tại lời khai củ bà Lê Thị L (bút lục 146) cũng phù hợp với lời trình bày của ông Đặng Đồng T. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định số tiền 162.500.000 đồng bài H nhận của bài T là thù lao (tiền đờn ơn) cho Hợp đồng thỏa thuận ngày 25/4/2011 giữa hai bên, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bài H là có căn cứ.

[4] Ngoài ra, bài H không còn chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bài H, không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của luật sư bảo vệ cho bài H; Có căn cứ chấp nhận toàn bộ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bà Trương Thị Hồng H kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng, tuy nhiên do bài H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí.

[6] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luận, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Hồng H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 158, khoản 2 Điều 166, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 105, điểm b khoản 2 Điều 108, Điều 562, khoản 2 Điều 566 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hồng H đòi bà Nguyễn Thị T trả chi phí thù lao 99,3m^2 đất thuộc một phần Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CC 559270, thửa 130, tờ bản đồ số 40, do

UBND huyện V cấp ngày 14/12/2021 cho bà Nguyễn Thị T. Diện tích đất có vị trí, tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp Quốc lộ 1A, có chiều dài 2,5m.

Hướng Tây giáp thửa 30, có chiều dài 2,5m.

Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa 129, có chiếu dài 30,88m + 9,02m.

Hướng Nam giáp thửa 28, 30, có chiều dài 26,43m + 4,20m + 9,02m.

(Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/3/2022, Hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 08/4/2022).

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thỏa thuận ngày 25/4/2011 giữa bà Trương Thị Hồng H và bà Nguyễn Thị T vô hiệu.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Trương Thị Hồng H phải chịu 1.354.632 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi bốn ngàn sáu trăm ba mươi hai đồng) (đã nộp và chi xong).

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm bà Trương Thị Hồng H được miễn.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Dũng